

Số: **2938**/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày **12** tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy chế phối hợp thực hiện Chỉ số thành phần Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp trong Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Thực hiện Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 12/6/2020 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc khắc phục những hạn chế, yếu kém năm 2019 và nâng cao Chỉ số PCI năm 2020 và các năm tiếp theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp thực hiện Chỉ số thành phần Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp trong Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc Sở Công Thương, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tư Pháp, Lao động-Thương binh và Xã hội, Khoa học và Công nghệ, Giáo dục và Đào tạo, Ban Quản lý Khu Kinh tế, Cục Quản lý thị trường, Trường Đại học Trà Vinh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Thường trực tỉnh ủy (b/c);
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LD VP.UBND tỉnh;
- TV BCĐCCHC&NCNLCT tỉnh;
- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
- Lưu: VT, THNV. 05

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Anh Dũng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Quy chế phối hợp thực hiện Chỉ số thành phần Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp trong Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

*(Kèm theo Quyết định số **2938/QĐ-UBND** ngày **12** tháng 8 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tư Pháp, Tài chính, Xây dựng, Hiệp hội Doanh nghiệp, Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Trà Vinh, Lao động-Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo; Ban Quản lý Khu kinh tế; Cục Quản lý thị trường, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc phối hợp thực hiện Chỉ số thành phần Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp trong Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Sở Công Thương là cơ quan đầu mối, chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan trong thực hiện Chỉ số thành phần Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; Các ngành, đơn vị, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, liên quan phối hợp và chủ trì thực hiện từng chỉ tiêu của Chỉ số thành phần được giao tại Điều 6 Quy chế này.

2. Công tác phối hợp phải phân định rõ trách nhiệm, bảo đảm đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan, đơn vị theo quy định pháp luật. Trong quá trình phối hợp không làm giảm vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền hoặc cản trở công việc của mỗi đơn vị; đồng thời không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Các thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân (nếu có) được phối hợp giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và các quy định của tỉnh về thời hạn giải quyết thủ tục hành chính; đảm bảo nhanh gọn, hiệu quả, kịp thời, rút ngắn tối đa thời gian giải quyết.

4. Nâng cao tính chủ động trong phối hợp thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp.

5. Xác định rõ vai trò, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp, nội dung chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và các chế độ thông tin, báo cáo có liên quan.

Điều 3. Phương thức phối hợp

1. Các Sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thường xuyên phối hợp với Sở Công Thương, phân công lãnh đạo, cử đầu mối phụ trách, tổ chức thực hiện Quy chế này, khi có sự thay đổi về nhân sự phải bổ sung kịp thời để cơ quan đầu mối cập nhật, công bố đến các đơn vị liên quan biết, theo dõi, giải quyết các công việc liên quan đến công tác phối hợp. Chủ động thực hiện các nhiệm vụ liên quan các chỉ tiêu của Chỉ số thành phần dịch vụ hỗ trợ được giao chủ trì.

Tùy theo tính chất, nội dung công việc cần phối hợp với các cơ quan khác, cơ quan chủ trì quyết định áp dụng một trong các phương thức phối hợp sau đây: Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan phối hợp bằng văn bản hoặc gửi hồ sơ đề nghị cơ quan phối hợp tham gia ý kiến; cơ quan phối hợp có trách nhiệm nghiên cứu trả lời bằng văn bản theo thời hạn đề nghị của cơ quan chủ trì, trường hợp quá thời hạn mà cơ quan phối hợp chưa có văn bản trả lời thì được xem như cơ quan phối hợp đồng ý với nội dung đề nghị tham gia phối hợp và phải chịu trách nhiệm về nội dung được hỏi ý kiến. Tổ chức họp, trong trường hợp cần thiết thì lập biên bản, để làm cơ sở xác định trách nhiệm của các bên. Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm cử người dự họp; Trường hợp có một hoặc các bên không thống nhất nội dung thì được bảo lưu ý kiến của mình (hoặc đơn vị có văn bản chính thức), trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Thành lập Tổ công tác liên ngành để triển khai thực hiện nhiệm vụ và kiểm tra việc thực hiện Chỉ số thành phần Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp.

3. Trao đổi cung cấp thông tin về công tác quản lý nhà nước giữa các cơ quan có liên quan.

Chương II

NỘI DUNG VÀ TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP

Điều 4. Nội dung phối hợp các chỉ tiêu trong Chỉ số thành phần Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp

Các cơ quan, đơn vị phối hợp trong thực hiện Chỉ số thành phần Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, gồm các chỉ tiêu sau:

1. Số hội chợ thương mại do tỉnh tổ chức.
2. Tỷ lệ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ (CCDV) trên tổng số doanh nghiệp;

3. Tỷ lệ doanh nghiệp CCDV tư nhân và FDI trên tổng số doanh nghiệp CCDV.
4. Doanh nghiệp từng sử dụng dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường.
5. Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường.
6. Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường.
7. Doanh nghiệp từng sử dụng dịch vụ tìm kiếm đối tác kinh doanh.
8. Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ tìm kiếm đối tác kinh doanh.
9. Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tìm kiếm đối tác kinh doanh.
10. Doanh nghiệp từng sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại.
11. Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ xúc tiến thương mại.
12. Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại.
13. Doanh nghiệp từng sử dụng dịch vụ liên quan tới công nghệ.
14. Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ liên quan tới công nghệ.
15. Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ liên quan tới công nghệ.
16. Doanh nghiệp từng sử dụng dịch vụ tư vấn về pháp luật.
17. Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ tư vấn về pháp luật.
18. Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tư vấn về pháp luật.
19. Doanh nghiệp từng sử dụng dịch vụ đào tạo về kế toán, tài chính.
20. Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về kế toán tài chính.
21. Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về kế toán tài chính.
22. Doanh nghiệp từng sử dụng dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh.
23. Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh.
24. Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh.

Điều 5. Trách nhiệm phối hợp chung

1. Từng cơ quan, đơn vị căn cứ vào chức năng nhiệm vụ cụ thể để triển khai thực hiện các chỉ tiêu được giao chủ trì tại Điều 6 Quy chế này; Phối hợp và

tạo điều kiện hỗ trợ lẫn nhau thực hiện tốt Chỉ số thành phần Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp.

2. Thủ trưởng đơn vị phải thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện hỗ trợ cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; quan tâm lựa chọn, bố trí công chức trực tiếp tiếp nhận hồ sơ của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tại Trung tâm Phục vụ hành chính công phải có trình độ, năng lực; quy trình hồ sơ, thủ tục phải công khai minh bạch rõ ràng, thực hiện đảm bảo thời gian, không phát sinh thêm thủ tục hồ sơ quy định; tạo điều kiện tối đa cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong khuôn khổ luật pháp quy định.

3. Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tư vấn theo ngành, nghề phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp tại tỉnh thuộc lĩnh vực ngành phụ trách.

4. Khi tiếp nhận các thông tin nhu cầu hỗ trợ của doanh nghiệp, nếu thuộc chức năng nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị thì trực tiếp giải quyết. Trường hợp không thuộc chức năng nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị thì phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết.

5. Tăng cường và thực hiện có hiệu quả quy chế phối hợp giữa Trung tâm phục vụ hành chính công với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, đảm bảo công khai, minh bạch và đúng thời hạn quy định.

6. Các cơ quan, đơn vị công khai đường dây nóng và số điện thoại lãnh đạo, cán bộ đầu mối phụ trách Chỉ số thành phần Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp.

Điều 6: Trách nhiệm phối hợp cụ thể

1. Sở Công Thương

- Chủ trì 10 chỉ tiêu (hội chợ, tìm kiếm thông tin thị trường, tìm kiếm đối tác kinh doanh, xúc tiến thương mại) của Chỉ số thành phần Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp tại khoản 1,4,5,6,7,8,9,10,11,12 Điều 4 Quy chế này.

+ Phối hợp với các địa phương tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tổ chức hội chợ triển lãm thương mại trên địa bàn tỉnh đúng theo quy định, đảm bảo số cuộc theo Kế hoạch UBND tỉnh giao hàng năm; Tiếp tục xây dựng và phát hành định kỳ hàng tháng để cung cấp cho doanh nghiệp; đồng thời, tổ chức khảo sát thị trường, kết nối doanh nghiệp, tham gia các hội thảo, hội nghị kết nối.

+ Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của Sàn giao dịch thương mại điện tử: Tạo kênh thông tin thị trường nông, thủy sản trên Sàn giao dịch để hỗ trợ doanh nghiệp cập nhật thông tin thị trường, hỗ trợ xây dựng website cho các doanh nghiệp liên kết với Sàn giao dịch; Tạo điều kiện hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các dịch vụ, để quảng bá rộng rãi trên trang thông tin điện tử của Sở Công Thương và Sàn Giao dịch giúp doanh nghiệp được tiếp cận các dịch vụ yêu cầu.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện các chỉ tiêu còn lại của Chỉ số thành phần Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp tại Điều 4 Quy chế này khi có yêu cầu:

+ Hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân: Hoàn thành các hồ sơ thủ tục thuộc lĩnh vực ngành công thương đi vào hoạt động; ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến để nâng cao chất lượng sản phẩm; phát triển cụm công nghiệp, công nghiệp hỗ trợ, an toàn thực phẩm,...

+ Cập nhật, thông tin trên Trang thông tin điện tử của Sở Công Thương các thông tin quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án của ngành và các thông báo tuyển dụng, bồi dưỡng của các trường mở các lớp đào tạo cho doanh nghiệp về kế toán, tài chính và quản trị kinh doanh khi có yêu cầu; Công bố hỗ trợ các đề án lĩnh vực khuyến công; thông tin hội chợ, Hội nghị kết nối...

- Phối hợp với Cục Quản lý thị trường tăng cường hiệu quả công tác quản lý thị trường, chống buôn bán hàng lậu, hàng giả, vi phạm bản quyền, gian lận thương mại nhằm tạo môi trường kinh doanh lành mạnh cho doanh nghiệp phát triển.

- Chủ động sử dụng nguồn lực của Trung tâm Khuyến công và xúc tiến thương mại, tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp và có thu phí theo quy định.

- Phối hợp các Sở, ban ngành, đoàn thể liên quan và chính quyền địa phương phổ biến, tuyên truyền về các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì 02 chỉ tiêu (tỷ lệ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ: Tỷ lệ doanh nghiệp CCDV tư nhân và FDI) của Chỉ số thành phần Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp tại khoản 2,3 Điều 4 Quy chế này.

- Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành thống nhất quy trình dự án đầu tư liên quan đến các Sở, ngành từ lúc kêu gọi đầu tư đến lúc dự án đưa vào hoạt động nhằm tạo thuận lợi môi trường thu hút kêu gọi đầu tư, giảm thiểu thời gian liên hệ của nhà đầu tư đến các Sở, ban ngành tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố, tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư vào các dự án nhà ở, dự án phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường công tác tiếp xúc, gặp gỡ, trao đổi với các doanh nghiệp, nhà đầu tư đã và đang thực hiện đầu tư tại tỉnh nhằm kịp thời hỗ trợ, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, nhà đầu tư. Đồng thời qua đó tổng hợp các nhu cầu cần hỗ trợ của doanh nghiệp để có hướng tham mưu đề xuất kịp thời (02 lượt/năm).

- Hướng dẫn, hỗ trợ các thủ tục liên quan đến thành lập doanh nghiệp, thành lập chi nhánh đối với các cá nhân, tổ chức có nhu cầu đăng ký hoạt động trong các lĩnh vực CCDV tư nhân và FDI.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các huyện, thị xã, thành phố thành lập “Tổ tư vấn và hỗ trợ doanh nghiệp”; đồng thời xây dựng quy chế hoạt động và hướng dẫn cấp huyện triển khai thực hiện.

- Tập trung quán triệt, chỉ đạo và phân công công chức, viên chức phụ trách tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; Hướng dẫn đầy đủ, rõ ràng, hiệu quả các thủ tục, hồ sơ đăng ký kinh doanh, đầu tư cho doanh nghiệp; hướng dẫn doanh nghiệp tiếp cận các TTHC đã được niêm yết công khai; chủ động nghiên cứu, tra dồi thêm kiến thức, cập nhật thường xuyên những văn bản, quy định mới để nâng cao trình độ chuyên môn nhằm đáp ứng với yêu cầu công việc.

3. Sở Tư pháp

- Chủ trì 03 chỉ tiêu (tư vấn pháp luật) của Chỉ số thành phần Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp tại khoản 16,17,18 Điều 4 Quy chế này.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức tuyên truyền các hoạt động có liên quan đến tư vấn pháp luật thuộc phạm vi quản lý của đơn vị đến doanh nghiệp nhằm hỗ trợ và nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp khi có nhu cầu tiếp cận với hoạt động tư vấn pháp luật của nhà nước tại địa phương.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong công tác rà soát, xây dựng các chính sách có liên quan đến doanh nghiệp để trình cấp có thẩm quyền ban hành kịp thời hỗ trợ và tạo điều kiện cho doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì 03 chỉ tiêu (công nghệ) của Chỉ số thành phần Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp tại khoản 13,14,15 Điều 4 Quy chế này.

- Cung cấp thông tin về Hàng rào thương mại (TBT), tin hoạt động KH&CN, các chủ trương chính sách hỗ trợ trên trang Thông tin điện tử Sở.

- Tổ chức (hoặc liên kết tổ chức) các lớp đào tạo, bồi dưỡng năng lực chuyên môn và hỗ trợ hoạt động về chuyên gia công nghệ, tư vấn chuyên gia công nghệ và xúc tiến chuyển giao công nghệ.

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì 06 chỉ tiêu (dịch vụ đào tạo - đào tạo từ trình độ cao đẳng trở xuống) của Chỉ số thành phần Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp tại khoản 19, 20, 21, 22, 23, 24 Điều 4 Quy chế này.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì 06 chỉ tiêu (dịch vụ đào tạo - Đào tạo từ trình độ trên cao đẳng) của Chỉ số thành phần Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp tại khoản 19, 20, 21, 22, 23, 24 Điều 4 Quy chế này.

7. Ban Quản lý Khu Kinh tế

- Chủ trì, thực hiện 01 chỉ tiêu (Tỷ lệ doanh nghiệp CCDV tư nhân và FDI trên tổng số doanh nghiệp CCDV trong Khu Công nghiệp, Khu Kinh tế tỉnh Trà Vinh) Chỉ số thành phần Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp tại khoản 3 Điều 4 Quy chế này.

+ Tuyên truyền, phổ biến kịp thời đến các doanh nghiệp văn bản quy phạm pháp luật, hướng dẫn thực hiện đúng quy định pháp luật theo hướng công khai, minh bạch, giải quyết thủ tục hành chính đúng thời gian.

+ Tăng cường xúc tiến đầu tư đối với các dự án cung cấp dịch vụ trên địa bàn Khu kinh tế, Khu công nghiệp.

+ Thường xuyên rà soát các thủ tục hành chính kịp thời để tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp tìm hiểu và thực hiện đúng quy định, đồng thời thực hiện nghiêm yết công khai các thủ tục hành chính theo quy định.

+ Phối hợp với các Sở, ngành giải quyết vấn đề mà doanh nghiệp đề nghị trong quá trình đầu tư.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh ban hành thống nhất quy trình dự án đầu tư liên quan đến các Sở, ngành từ lúc kêu gọi đầu tư đến lúc dự án đưa vào hoạt động nhằm tạo thuận lợi môi trường thu hút kêu gọi đầu tư, giảm thiểu thời gian liên hệ của nhà đầu tư đến các Sở, ban ngành tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố, tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư vào các dự án nhà ở, dự án phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh; Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tư vấn theo ngành, nghề phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp tại tỉnh.

8. Hiệp hội doanh nghiệp

- Thường xuyên phối hợp với các Sở, ngành tỉnh và địa phương tổ chức triển khai các chương trình, kế hoạch hỗ trợ đến cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng, triển khai có hiệu quả các kế hoạch, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp; thường xuyên phối hợp tổ chức các sự kiện, hội thảo, hội nghị, gặp gỡ, đối thoại doanh nghiệp.

- Tuyên truyền phát triển các loại hình doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hỗ trợ và tạo điều kiện các thành phần kinh tế này tham gia cung cấp các sản phẩm dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, các dịch vụ tư vấn pháp lý và cung cấp thông tin pháp luật, thông tin thị trường cho các đối tượng có nhu cầu.

9. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Thường xuyên chỉ đạo các Phòng, ban chuyên môn tổ chức triển khai các chương trình, kế hoạch hỗ trợ đến cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn.

- Tạo điều kiện cho các đơn vị tổ chức sự kiện tổ chức các hội chợ trên địa bàn huyện và phối hợp với các Sở, ngành liên quan thực hiện các chỉ tiêu của Chỉ số thành phần Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 7. Chế độ thông tin báo cáo

Định kỳ hàng quý (trước ngày 10 của tháng cuối quý), 6 tháng (trước ngày 10/6), năm (trước ngày 10/12) và đột xuất (khi có yêu cầu). Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được giao trách nhiệm phối hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Công Thương) về kết quả triển khai thực hiện các nội dung được giao.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

- Giám đốc Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Quy chế này.

- Thủ trưởng các đơn vị tại khoản 1, 2,3,4,5,6 Điều 6 chịu trách nhiệm thực hiện các chỉ tiêu của Chỉ số thành phần Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp thuộc chức năng của ngành mình và phối hợp thực hiện các chỉ tiêu khác khi có yêu cầu.

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan phối hợp thực hiện các chỉ tiêu của Chỉ số thành phần Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp tại Điều 4 Quy chế này khi có yêu cầu; Kho bạc Nhà nước tích cực phối hợp với các Sở ngành, địa phương giải ngân sớm nhất các nguồn vốn liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, khó khăn hoặc có những vấn đề mới phát sinh, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.